

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 224/2017/HSPT

Ngày: 11/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai

Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông
Ông Ngô Tấn Lợi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn Em – Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông
Lê Văn Bảy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 206/2017/HSPT ngày 24 tháng 7 năm 2017
đối với bị cáo Nguyễn Văn Thiện A .

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Thiện A đối với bản án hình sự
sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân
huyện T.

Bị cáo có kháng cáo:

NGUYỄN VĂN THIỆN A

- Sinh ngày 24/10/1998;
- HKTT: ấp Mỹ T, xã Thanh M, huyện T, tỉnh Đ;
- Chỗ ở: ấp Mỹ T, xã M, huyện C, tỉnh T;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ học vấn: 8/12;
- Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966 và con bà Đặng Thị C, sinh
năm 1971;
- Vợ, con: Chưa có;

- Tiền sự: Ngày 06 tháng 3 năm 2015 bị Công an xã Thanh M, huyện T xử phạt hành chính số tiền 500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản (chưa nộp phạt).

- Tiền án: Không.

- Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú: Ngày 05/01/2017;

- Hiện bị cáo đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra, trong vụ án bị cáo Trần Tấn Đ rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa; người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

XÉT THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 24/8/2016 bị cáo Trần Tấn Đ và bị cáo Nguyễn Văn Thiện A (sinh ngày 24/10/1998) đến quán của chị Võ Thị T ở ấp Mỹ T, xã P, huyện T, tỉnh Đ để uống cà phê nhưng quán của chị T đã hết nước đá. Chị T nhờ Đ và A đi đến tiệm tạp hóa của ông Nguyễn Văn S mua dùm chị 5.000 đồng nước đá. Đ điều khiển xe của chị T, chở A đi đến tiệm tạp hóa của ông S. Khi đến nơi, Đ vào quán mua nước đá, A ngồi ngoài xe đợi. Trong lúc bà Nguyễn Thị Đ (vợ ông S) bán nước đá cho Đ thì Đ phát hiện phích nhựa màu trắng để trong tiệm có nhiều card điện thoại. Trên đường về, Đ nói lại cho A nghe và rủ A lấy trộm thì A đồng ý. Khi Đ và A chạy tiếp một đoạn thì gặp Nguyễn Trung N, sinh ngày 01/7/2005, là em bà con chú bác ruột với Đ đang chạy xe đạp ngược chiều với xe của Đ nên Đ kêu N dừng xe lại. Đ nói với N là ở trong tiệm tạp hóa của ông S có phích đựng card điện thoại rất dễ lấy, lúc này A nói với N là đi lấy đi về Đ và A bán được sẽ cho N tiền, rồi Đ và A điều khiển xe về quán của chị T. N điều khiển xe đạp về phía tiệm của ông S, khi gần đến tiệm, N bỏ xe đạp lại rồi đi bộ lén lút vào trong tiệm tạp hóa của ông S lấy trộm một cái phích bằng nhựa bên trong có nhiều card điện thoại di động và khoảng 700.000 đồng rồi đem ra ngoài. N nhặt một cái hộp bằng nhựa màu trắng, có nắp màu đỏ bỏ hết số card vừa trộm được vào rồi ném bỏ phích nhựa vào bụi cỏ gần đó, riêng số tiền thì N bỏ vào túi của mình. Sau đó, N đi bộ đến nơi để xe đạp lúc ban đầu lấy xe và điều khiển đến nhà người quen gửi xe rồi cầm hộp đựng card đến quán của chị T. Khi N đi đến còn cách quán khoảng 30m thì Đ thấy N đến nên đi ra ngoài quán, A cũng đi theo phía sau Đ. N đưa hộp đựng card điện thoại vừa trộm được cho Đ, Đ lấy đồ card ra cầm trên tay rồi ném bỏ hộp. Lúc

này A có lấy một cái card điện thoại Vietnammobie mệnh giá 20.000 đồng nạp vào máy của A, sau đó cả ba vào quán của chị T. Lúc ở trong quán, Đ có bán cho ông Nguyễn Thanh L (Ba K) và ông Lê Văn N 02 card điện thoại Viettel trị giá 40.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, A mượn xe của chị T, Đ điều khiển xe chở A đến cơ sở Internet Kim Y 2, ở ấp Mỹ T, xã Thanh M, huyện T, tỉnh Đ nói là Card điện thoại nhặt được và bán cho anh Nguyễn Văn U là chủ cơ sở. Anh U kiểm tra số card điện thoại tính trên mệnh giá card ra số tiền là 2.330.000 đồng, trong lúc anh U đếm card điện thoại thì A lấy 06 card điện thoại Vietnamobile, 04 card điện thoại mobifone mỗi card mệnh giá 50.000 đồng cất vào trong túi của mình. Đ xác định mức giá bán cho anh U là 2.200.000 đồng, nên anh U đồng ý mua. Anh U đưa cho Đ 1.600.000 đồng và hẹn một giờ sau sẽ trả tiếp số tiền còn lại. Đ và A ra xe về, lúc này Đ đưa A số tiền 200.000 đồng có được từ việc bán card điện thoại. Khi Đ và A về đến quán chị T để trả xe thì bị lực lượng công an mời về trụ sở làm việc.

Số tiền 700.000 đồng, N khai đã mua xe điều khiển đồ chơi và mua bánh ăn hết.

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ cho rằng số tài sản để trong phích nhựa bị mất trộm gồm card điện thoại giá trị khoảng 7.000.000 đồng và khoảng 700.000 đồng tiền có được từ việc bán hàng trong ngày. Tuy nhiên quá trình điều tra chỉ chứng minh được ngoài số tiền 700.000 đồng thì giá trị số card điện thoại mà các bị cáo A, Đ và N lấy trộm được là 2.890.000 đồng.

Bản Kết luận định giá tài sản số 02/BBĐG ngày 05/01/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: Số lượng tài sản trưng cầu theo quyết định số 39 ngày 04/01/2017 là 04 loại card điện thoại: card điện thoại Vinaphone; card điện thoại Mobifone, card điện thoại Viettel, card điện thoại Vietnammobile, giá trị thành tiền 2.890.000đ (Hai triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng) vào thời điểm ngày 24/8/2016.

* Về trách nhiệm dân sự.

Ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị Đ đã nhận lại số card điện thoại trị giá 2.890.000 đồng và bị cáo Nguyễn Văn Thiện A đã bồi thường số tiền 1.700.000 đồng, ông bà tiếp tục yêu cầu bị cáo Trần Tấn Đ và Nguyễn Trung N có người đại diện ông Nguyễn Thanh L bồi thường số tiền 3.170.000 đồng. Bị cáo Đ và người đại diện hợp pháp của N đồng ý bồi thường.

Gia đình bị cáo Trần Tấn Đ đã nộp khắc phục hậu quả được số tiền 1.500.000đ.

Anh Nguyễn Văn U đã nhận số tiền 1.491.000 đồng, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Số tiền 700.000 đồng mà N khai nhận lấy được trong phích đựng card điện thoại, N giữ và tiêu xài cá nhân, bị cáo A và Đ không biết nên không truy cứu trách nhiệm Đ và A đối với số tiền này.

Đối với Nguyễn Trung N có hành vi lén lúc lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn S, tuy nhiên thời điểm thực hiện hành vi N chưa đủ 14 tuổi, nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Còn anh Nguyễn Văn U khi mua card điện thoại không biết do trộm cắp mà có, nên không xử lý.

* Về vật chứng:

- Thu của bị cáo Nguyễn Văn Thiện A: 06 card điện thoại di động mạng Vietnamobile, 04 card điện thoại di động mạng Vinaphone, mỗi card mệnh giá 50.000 đồng, đây là số card mà A lấy từ trong số card do N trộm được.

Số tiền 180.000 đồng còn lại trong số tiền 200.000 đồng mà Đ đưa cho A.

- Thu của bị cáo Trần Tấn Đ số tiền 1.311.000 đồng. Đây là số tiền còn lại trong số tiền mà Đ bán card cho anh U mà có.

- Anh Nguyễn Văn U tự nguyện giao nộp số card điện thoại mua của Đ và A bao gồm:

+ Card mạng Vinaphone: 09 card mệnh giá 20.000 đồng, 12 card mệnh giá 10.000 đồng.

+ Card mạng mobifone: 02 card mệnh giá 100.000 đồng, 07 card mệnh giá 20.000 đồng, 10 card mệnh giá 10.000 đồng.

+ Card mạng Viettel: 05 card mệnh giá 100.000 đồng, 08 card mệnh giá 20.000 đồng, 06 card mệnh giá 10.000 đồng.

+ Card mạng Vietnamobile: 34 card mệnh giá 20.000 đồng, 19 card mệnh giá 10.000 đồng.

- Thu giữ một phích màu trắng xanh, không có nắp, chiều cao 17cm, đường kính miệng phích 14cm mà N ném bỏ gần nhà ông S.

Xét thấy không cần thiết tạm giữ Cơ quan điều tra đã trao trả cho:

- Ông Nguyễn Văn S số card điện thoại thu giữ được nêu trên (tổng giá trị là 2.890.000 đồng) và phích màu trắng xanh, không có nắp, chiều cao 17cm, đường kính miệng phích 14cm.

- Trả cho anh Nguyễn Văn U số tiền: 1.491.000 đồng thu giữ được từ A và Đ.

Đối với hũ bằng nhựa màu trắng, nắp màu đỏ mà N khai nhận để card điện thoại vào đưa cho Đ, cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm tại nơi ném bỏ nhưng không tìm được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 22/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Tấn Đ, Nguyễn Văn Thiện A đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; điểm h, b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm n, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Tấn Đ 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 18/01/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điều 20; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Thiện A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, bị cáo Nguyễn Văn Thiện A có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp, đề nghị: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Văn Thiện A, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, lời khai bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn Thiện A thời điểm phạm tội là người chưa thành niên, nhưng đến ngày án sơ thẩm xét xử bị cáo đã là người thành niên. Bị cáo nghỉ học và sống với gia đình làm thuê để sinh sống. Vào ngày 06 tháng 3 năm 2015 bị cáo

bị xử phạt hành chính với số tiền 500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt. Sau khi bị xử phạt hành chính thì vào lúc 14 giờ 30 phút ngày 24/8/2016 bị cáo và Trần Tấn Đ đi uống cà phê. Bị cáo và Đ được chủ quán nhờ đi mua nước đá tại quán anh Nguyễn Văn S (người bị hại). Bị cáo cùng Đ thấy tại tiệm tạp hóa anh S có cái phích và trong phích đựng rất nhiều Card điện thoại nên có ý định trộm. Khi gặp Nguyễn Trung N (chưa đủ 14 tuổi) Đ kêu N vào lấy trộm, còn bị cáo nói với N vào lấy đi sẽ bán chia tiền cho N. Lúc này N nghe lời bị cáo nên đi vào quán anh S lấy được cái phích có rất nhiều Card điện thoại tổng trị giá tài sản là 2.890.000đ .

Hành vi phạm tội của bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nhưng bị cáo là người đã có tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, lại tiếp tục phạm tội. Trong khi bị cáo nhận biết được tài sản hợp pháp của người bị hại được pháp luật bảo vệ. Nếu bị cáo xâm phạm đến sẽ bị pháp luật xử lý nghiêm minh, nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, chứng tỏ bị cáo là người xem thường pháp luật Nhà nước. Ngoài ra hành vi phạm tội của bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo cần có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Án sơ thẩm xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội và đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức án xử đối với bị cáo là phù hợp. Sau khi án sơ thẩm xử bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo, là không có căn cứ để xem xét. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo là phù hợp với nhận định trên.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Thiện A không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn Thiện A. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Thiện A phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138, Điều 20, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Thiện A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Thiện A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND H. T;
- Chi cục THADS H. T;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo;
- Lưu HS (T. Em).

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai